

Số -KH/ĐU

Lai Châu, ngày tháng 4 năm 2026

KẾ HOẠCH

Thực hiện Kế hoạch số 58-KH/TU, ngày 18/3/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW, ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước

Thực hiện Kế hoạch số 58-KH/TU, ngày 18/3/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW, ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước (sau đây gọi là Kế hoạch số 58-KH/TU). Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện với các nội dung sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, đồng bộ, hiệu quả Nghị quyết số 79-NQ/TW và Kế hoạch số 58-KH/TU; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động trong Đảng bộ UBND tỉnh về vị trí, vai trò của kinh tế nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Cụ thể hóa định hướng của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy UBND tỉnh đối với việc tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế nhà nước; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, sử dụng các nguồn lực nhà nước trên địa bàn tỉnh; góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2. Yêu cầu

Bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp của Đảng ủy UBND tỉnh đối với việc triển khai Kế hoạch; tăng cường chỉ đạo, đôn đốc các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan trực thuộc trong tổ chức thực hiện; đề cao vai trò, trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu.

Các nhiệm vụ, giải pháp được xác định cụ thể, phân công rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ tiến độ, rõ sản phẩm; gắn với cơ chế theo dõi, kiểm tra, giám sát và đánh giá bằng kết quả thực hiện; bảo đảm đồng bộ, thiết thực, khả thi, tránh hình thức, phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh.

II- MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy UBND tỉnh đối với việc tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế nhà nước; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, sử dụng các nguồn lực nhà nước trên địa bàn tỉnh; phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trong các lĩnh vực then chốt, thiết yếu, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và nâng cao đời sống Nhân dân.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Đến năm 2030

- *Về đất đai, tài nguyên*: Quản lý, khai thác, huy động và sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch; đáp ứng yêu cầu tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững; bảo đảm quốc phòng, an ninh, an ninh kinh tế, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- *Về tài sản kết cấu hạ tầng*: Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh; tập trung hoàn thành các dự án hạ tầng trọng điểm, có quy mô lớn, tăng cường kết nối liên vùng, liên tỉnh...

- *Về ngân sách nhà nước, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách*: Nâng cao hiệu quả thu ngân sách nhà nước, phân đấu hoàn thành và vượt dự toán thu Trung ương giao; trong đó tỷ lệ huy động vào ngân sách nhà nước trên GRDP giai đoạn 2026-2030 bình quân khoảng 8,5% GRDP; trong đó từ thuế, phí khoảng 7,6% GRDP. Tiếp tục cân đối ngân sách tích cực, kiểm soát chặt chẽ bội chi ngân sách địa phương; mức dư nợ vay không vượt quá 80% số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Định hướng cơ cấu chi ngân sách theo hướng tăng dần tỷ trọng chi đầu tư phát triển, giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong từng giai đoạn. Rà soát, sắp xếp, nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách theo quy định.

- *Về doanh nghiệp nhà nước*: Định hướng doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh từng bước đổi mới, hoàn thiện mô hình quản trị theo hướng hiện đại, phù hợp với quy mô, lĩnh vực hoạt động và điều kiện thực tiễn của tỉnh; bảo đảm công khai, minh bạch trong quản trị và điều hành. Khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin, dữ liệu số trong quản lý, giám sát và tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, sử dụng hiệu quả vốn nhà nước, từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững.

- *Về tổ chức tín dụng nhà nước*: Thực hiện có hiệu quả các chủ trương,

chính sách của Đảng và Nhà nước về tiền tệ, tín dụng; tạo điều kiện để các tổ chức tín dụng nhà nước trên địa bàn tỉnh hoạt động an toàn, lành mạnh, ổn định và phát triển bền vững; phát huy vai trò chủ lực trong triển khai các chính sách tín dụng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống Nhân dân. Định hướng ưu tiên nguồn vốn tín dụng cho các lĩnh vực, chương trình trọng điểm, các khâu đột phá của tỉnh; tiếp tục thực hiện có hiệu quả tín dụng chính sách xã hội theo quy định.

- Về đơn vị sự nghiệp công lập: Thực hiện chủ trương xã hội hóa cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo lộ trình phù hợp, gắn với điều kiện thực tiễn và khả năng tiếp cận của người dân trên địa bàn tỉnh. Rà soát, sắp xếp, tinh gọn đầu mối các đơn vị sự nghiệp công lập; tập trung duy trì các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện nhiệm vụ chính trị, quản lý nhà nước và cung ứng các dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu. Định hướng nâng cao mức độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, phấn đấu đến năm 2030 tăng tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên trở lên theo lộ trình và quy định của Trung ương, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh.

2.2. Tầm nhìn đến năm 2045

Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của khu vực kinh tế nhà nước; phát huy vai trò then chốt, dẫn dắt trong nền kinh tế; đổi mới doanh nghiệp nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng hiện đại, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển của Lai Châu đến năm 2045.

III- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ, giải pháp chung

- Lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt và tổ chức thực hiện các quan điểm, chủ trương của Đảng về phát triển kinh tế nhà nước theo Nghị quyết số 79-NQ/TW; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người lao động trong các cơ quan, tổ chức thuộc khu vực nhà nước về vị trí, vai trò của kinh tế nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền của địa phương; bảo đảm thực hiện thống nhất các chủ trương, chính sách của Trung ương về phát triển kinh tế nhà nước; phân định rõ chức năng quản lý nhà nước, chức năng đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp và chức năng sản xuất, kinh doanh theo quy định.

- Triển khai các giải pháp tạo lập môi trường thuận lợi, minh bạch và bình đẳng cho các thành phần kinh tế trong khai thác và sử dụng các nguồn lực phát

triển; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính theo hướng đơn giản hóa thủ tục, giảm chi phí tuân thủ, áp dụng nguyên tắc quản lý rủi ro và chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm theo quy định.

- Quan tâm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, chuyên gia trong các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức kinh tế nhà nước; triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách nhằm thu hút, trọng dụng nhân tài gắn với tiêu chuẩn năng lực, đạo đức nghề nghiệp và kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Thực hiện nghiêm các quy định của Trung ương về bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung trong quá trình thực thi nhiệm vụ, bảo đảm đúng quy định, không để xảy ra tình trạng né tránh, đùn đẩy trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý, điều hành; thường xuyên cập nhật, chuẩn hóa và khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý, giám sát việc sử dụng vốn, tài sản và các nguồn lực nhà nước; làm cơ sở cho việc xây dựng chính sách, phân bổ và điều tiết nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát; khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp, kéo dài trong hoạt động thanh tra, kiểm tra; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ trong hoạt động thanh tra, kiểm tra trên nền tảng số. Kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, gây thất thoát, lãng phí, tiêu cực; đồng thời tập trung tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh việc xử lý các dự án, công trình tồn đọng kéo dài nhằm khơi thông và phát huy hiệu quả các nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể

2.1. Đối với đất đai và tài nguyên

Tăng cường quản lý, khai thác, huy động và sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên; bảo đảm công khai, minh bạch, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế nhanh và bền vững, gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. Tập trung thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Phối hợp với các bộ, ngành Trung ương trong việc hoàn thiện hệ thống pháp luật về đất đai và tài nguyên; thực hiện phân cấp, phân quyền phù hợp trong quản lý, khai thác và sử dụng đất đai, tài nguyên theo quy định.

- Tập trung nguồn lực đẩy nhanh tiến độ đo đạc, lập bản đồ địa chính, hoàn thiện hồ sơ địa chính; thực hiện số hóa, chuẩn hóa và làm sạch dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh. Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai của tỉnh,

bảo đảm kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai và các hệ thống dữ liệu quốc gia có liên quan theo lộ trình của Trung ương; nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tạo quỹ đất phục vụ phát triển công nghiệp, dịch vụ và đô thị.

- Rà soát, hoàn thiện các quy định về quản lý đất đai thuộc thẩm quyền của địa phương, bảo đảm phù hợp với các quy định của Trung ương; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quản lý, sử dụng đất, góp phần khơi thông nguồn lực từ đất đai cho phát triển.

- Thực hiện các cơ chế, chính sách bảo đảm bình đẳng giữa các thành phần kinh tế trong tiếp cận đất đai; ưu tiên bố trí quỹ đất cho phát triển kết cấu hạ tầng, công nghiệp, dịch vụ, đô thị và nhà ở xã hội; tăng cường trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong quản lý, sử dụng đất; kiên quyết thu hồi đất bỏ hoang, sử dụng sai mục đích hoặc gây lãng phí theo quy định.

- Tiếp tục hoàn thiện và tăng cường thực hiện các cơ chế, chính sách trong quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước gắn với nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong quản lý tài nguyên và môi trường.

- Quản lý chặt chẽ quy hoạch, kế hoạch sử dụng tài nguyên đất, khoáng sản và tài nguyên nước; xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu tài nguyên; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý tài nguyên và môi trường. Tăng cường bảo vệ các khu bảo tồn thiên nhiên, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; phục hồi hệ sinh thái, ngăn chặn suy giảm đa dạng sinh học.

- Nâng cao năng lực quan trắc môi trường; chủ động theo dõi, phát hiện và xử lý kịp thời các vấn đề ô nhiễm, suy thoái môi trường; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm gây ô nhiễm môi trường theo quy định của pháp luật.

2.2. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng

- Tổ chức lập, rà soát, điều chỉnh và triển khai thực hiện các quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng trên địa bàn tỉnh theo hướng đồng bộ, có tầm nhìn dài hạn; bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn và định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực của tỉnh. Chú trọng tăng cường tính liên kết, tính đa ngành, đa mục tiêu trong khai thác và sử dụng các loại hình kết cấu hạ tầng, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

- Tập trung phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông theo hướng đồng bộ, từng bước hiện đại; ưu tiên đầu tư các công trình, dự án trọng điểm có vai trò kết nối liên vùng, liên tỉnh. Đồng thời định hướng phát triển hạ tầng theo hướng xanh, bền vững; tăng cường ứng dụng công nghệ số trong quản lý và vận hành hạ tầng, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu và các hiện tượng thời tiết cực đoan, góp phần bảo đảm an sinh xã hội và quốc phòng, an

ninh trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai hiệu quả các chủ trương, cơ chế, chính sách của Trung ương về huy động và sử dụng các nguồn lực cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng; khuyến khích áp dụng các hình thức hợp tác công - tư và các phương thức huy động nguồn lực hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, phù hợp với điều kiện và khả năng cân đối nguồn lực của địa phương.

- Tăng cường quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, đặc biệt là hạ tầng văn hóa, thể thao, du lịch; hạ tầng khu, cụm công nghiệp; hạ tầng chợ và các công trình thiết yếu khác. Đồng thời huy động các nguồn lực ngoài ngân sách tham gia đầu tư, quản lý, vận hành trên cơ sở bảo đảm công khai, minh bạch, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản công và phòng, chống thất thoát, lãng phí.

2.3. Đối với ngân sách nhà nước, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở xuống

a) Ngân sách nhà nước

- Thực hiện quản lý, điều hành ngân sách nhà nước theo đúng quy định của pháp luật; gắn việc quản lý ngân sách với quá trình cơ cấu lại nền kinh tế và định hướng phát triển của tỉnh. Làm rõ trách nhiệm của từng cấp chính quyền trong việc huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả nguồn lực ngân sách; hạn chế việc áp dụng các tỷ lệ chi cứng cho từng lĩnh vực, trừ các trường hợp có quy định của Trung ương, bảo đảm chủ động trong bố trí nguồn lực cho các nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh.

- Tổ chức triển khai kịp thời các chính sách thu ngân sách theo quy định; tăng cường quản lý thu, mở rộng cơ sở thu, nâng cao tính bền vững của nguồn thu ngân sách. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý thu, tạo thuận lợi cho người nộp thuế; đồng thời thực hiện các giải pháp nuôi dưỡng nguồn thu, khơi thông nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- Thực hiện phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách theo quy định; bảo đảm vai trò chủ đạo của ngân sách cấp tỉnh, đồng thời phát huy tính chủ động của ngân sách cấp cơ sở; gắn phân cấp với trách nhiệm và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ.

- Phân bổ vốn đầu tư công theo hướng tập trung, ưu tiên các dự án quan trọng, có tác động lan tỏa; bảo đảm phù hợp với quy hoạch, khả năng cân đối nguồn lực và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; hạn chế tình trạng đầu tư dàn trải, manh mún.

- Quản lý chặt chẽ việc vay và trả nợ của chính quyền địa phương trong

phạm vi cho phép; bảo đảm công khai, minh bạch thông tin về nợ công; xây dựng và thực hiện kế hoạch vay, trả nợ trung hạn, bố trí đầy đủ nguồn lực để thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng hạn.

b) Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

- Rà soát, sắp xếp các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh; thực hiện hợp nhất, sáp nhập hoặc giải thể đối với các quỹ hoạt động kém hiệu quả hoặc có chức năng, nhiệm vụ trùng lặp. Qua đó giảm đầu mối quản lý, tập trung nguồn lực và nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng vốn của các quỹ.

- Tăng cường công khai, minh bạch trong hoạt động của các quỹ; đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát việc huy động, quản lý và sử dụng vốn; gắn trách nhiệm của người đứng đầu với hiệu quả hoạt động của quỹ và việc chấp hành các quy định về kỷ luật, kỷ cương tài chính.

- Khuyến khích áp dụng cơ chế ủy thác quản lý tài chính quỹ theo quy định của pháp luật; huy động các nguồn lực hợp pháp từ xã hội để bổ sung vốn cho các quỹ, từng bước giảm sự phụ thuộc vào ngân sách nhà nước. Không thành lập mới quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, trừ trường hợp thực sự cần thiết theo yêu cầu của Trung ương hoặc quy định của pháp luật; việc thành lập mới (nếu có) phải được xem xét, đánh giá đầy đủ về sự cần thiết, hiệu quả, khả năng cân đối nguồn lực và tác động đối với ngân sách địa phương.

c) Vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở xuống

Thực hiện chuyển giao phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở xuống cho doanh nghiệp có chức năng kinh doanh, đầu tư vốn nhà nước hoặc doanh nghiệp nhà nước hoạt động cùng lĩnh vực để quản lý. Thông qua đó thực hiện đầy đủ trách nhiệm của chủ sở hữu đối với phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp, bao gồm việc cơ cấu lại vốn, bổ sung vốn hoặc thoái vốn theo quy định; bảo đảm quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư của Nhà nước và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

2.4. Đối với doanh nghiệp nhà nước

a) Tiếp tục củng cố, phát triển, bảo đảm doanh nghiệp nhà nước là một lực lượng vật chất quan trọng của kinh tế nhà nước, góp phần phát triển kinh tế và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội

- Thực hiện các cơ chế, chính sách nhằm tăng cường năng lực tài chính cho doanh nghiệp nhà nước, trong đó xem xét tăng vốn điều lệ từ nguồn thu cổ phần hóa, thoái vốn hoặc tăng tỷ lệ lợi nhuận sau thuế để lại doanh nghiệp theo quy định; rà soát, đánh giá lại các tài sản đã hết khấu hao nhưng vẫn còn giá

trị sử dụng để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh. Khuyến khích thực hiện hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển giao doanh nghiệp nhằm phát huy lợi thế tổng thể của từng ngành, lĩnh vực.

- Khuyến khích doanh nghiệp nhà nước chủ động liên kết, hợp tác với các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác để phát huy thế mạnh của từng bên, khai thác hiệu quả các nguồn lực xã hội; hạn chế chồng chéo, cạnh tranh không lành mạnh, tạo động lực thúc đẩy đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững.

- Phát huy vai trò của doanh nghiệp nhà nước trong việc sử dụng hiệu quả các nguồn lực để đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

b) Thúc đẩy đầu tư, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh để kinh doanh hiệu quả, bền vững

- Triển khai các quy định, cơ chế của Trung ương nhằm khuyến khích doanh nghiệp nhà nước đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong quản lý, sản xuất, kinh doanh.

- Khuyến khích doanh nghiệp nhà nước mở rộng hợp tác, tham gia các dự án đầu tư, chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao năng lực sản xuất, năng lực cạnh tranh và hiệu quả hoạt động.

c) Tăng cường đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống quản trị doanh nghiệp

- Triển khai thực hiện các quy định của Trung ương về quyền hạn, trách nhiệm của các chức danh quản lý trong hệ thống quản trị doanh nghiệp nhà nước; xây dựng cơ chế giám sát hoạt động và trách nhiệm giải trình của người đại diện phần vốn nhà nước và các chức danh quản lý tại doanh nghiệp; gắn với việc nâng cao tiêu chuẩn, điều kiện đối với đội ngũ quản lý và tăng cường phân cấp, phân quyền trong quản trị doanh nghiệp.

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm phòng ngừa vi phạm pháp luật và xung đột lợi ích; kịp thời thay thế, miễn nhiệm những cá nhân thiếu trách nhiệm, yếu kém để xảy ra thất thoát, lãng phí hoặc ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

- Thực hiện hiệu quả cơ chế tiền lương, bảo đảm khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp nhà nước với các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác trong thu hút và sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao; gắn chính sách tiền lương với năng suất lao động, hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp và yêu cầu thực tiễn của thị trường lao động; đồng thời bảo đảm công khai, minh bạch, không ảnh hưởng đến quyền lợi của cổ đông nhà nước.

- Rà soát, xử lý các dự án đầu tư kém hiệu quả, doanh nghiệp thua lỗ kéo dài; xác định rõ trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định; hạn chế tình trạng đầu tư dàn trải, kém hiệu quả gây thất thoát vốn và tài sản của Nhà nước.

d) Tiếp tục cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp và đổi mới, sắp xếp doanh nghiệp nhà nước

- Tiếp tục thực hiện lộ trình cổ phần hóa doanh nghiệp theo quy định nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, thu hút sự tham gia của các thành phần kinh tế khác, góp phần nâng cao năng lực quản trị, cải thiện công nghệ và tăng cường nguồn lực tài chính cho doanh nghiệp sau cổ phần hóa, bảo đảm không làm thất thoát tài sản của Nhà nước.

- Đối với các doanh nghiệp mà Nhà nước không cần nắm giữ cổ phần, vốn góp chi phối, nghiên cứu thực hiện các phương án cơ cấu lại phù hợp như: sáp nhập với các doanh nghiệp nhà nước khác để hình thành chuỗi giá trị, nâng cao quy mô và hiệu quả hoạt động; hoặc chuyển giao cho doanh nghiệp có chức năng đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước của Trung ương hoặc địa phương để rà soát, đánh giá và thực hiện các giải pháp cơ cấu lại vốn theo quy định.

- Việc cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp phải bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch, hiệu quả, tuân thủ quy định của pháp luật; tập trung vào các lĩnh vực then chốt, thiết yếu, những lĩnh vực mà khu vực tư nhân chưa có khả năng hoặc chưa sẵn sàng tham gia; đồng thời tiếp tục đầu tư, phát triển các doanh nghiệp có thương hiệu và uy tín nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động.

2.5. Đối với các tổ chức tín dụng nhà nước

- Triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về tiền tệ, tín dụng theo quy định; tạo điều kiện để các chi nhánh tổ chức tín dụng nhà nước trên địa bàn tỉnh hoạt động an toàn, ổn định, lành mạnh và phát triển bền vững, phù hợp với định hướng, chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các tổ chức tín dụng cấp trên.

- Phát huy vai trò của các tổ chức tín dụng nhà nước trong việc cung ứng vốn tín dụng phục vụ phát triển sản xuất, kinh doanh, các lĩnh vực ưu tiên và các chương trình mục tiêu trên địa bàn tỉnh; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững và bảo đảm an sinh xã hội.

- Khuyến khích các tổ chức tín dụng nhà nước tiếp tục đổi mới phương thức quản trị, nâng cao hiệu quả hoạt động; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động ngân hàng theo quy định, bảo đảm an ninh, an toàn hệ thống và an toàn thông tin mạng.

2.6. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập

- Rà soát, sắp xếp lại danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh; tổ chức sắp xếp, kiện toàn hệ thống đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn đầu mối, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động, phù hợp với chủ trương sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và các quy định của Trung ương. Bảo đảm đủ nguồn lực cho việc cung ứng các dịch vụ công cơ bản, thiết yếu; không để thiếu nguồn lực làm ảnh hưởng đến chất lượng phục vụ Nhân dân. Từng bước chuyển các dịch vụ sự nghiệp công có khả năng xã hội hóa cao sang thực hiện theo cơ chế thị trường phù hợp.

- Thực hiện cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của Trung ương; tiếp tục chuyển mạnh từ phương thức cấp kinh phí trực tiếp cho đơn vị sang hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng chính sách; thực hiện tính đúng, tính đủ chi phí đối với dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu gắn với cơ chế kiểm soát. Đơn giản hóa quy trình đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công; điều chỉnh giá, phí dịch vụ công theo lộ trình phù hợp với khả năng chi trả của người dân và khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

- Khuyến khích khu vực tư nhân và các tổ chức xã hội tham gia cung ứng dịch vụ sự nghiệp công; mở rộng, nâng cao hiệu quả cơ chế hợp tác công - tư trong các lĩnh vực có khả năng cạnh tranh; chú trọng hợp tác về nhân lực, thương hiệu và công nghệ, bảo đảm thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Thực hiện các cơ chế, chính sách của Trung ương về chuyển đổi một số đơn vị sự nghiệp công lập trong các ngành, lĩnh vực phù hợp thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ theo quy định.

- Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm tối thiểu chi thường xuyên, thực hiện quyền tự chủ về tổ chức bộ máy, tiền lương, thu nhập và tuyển dụng nhân sự gắn với kết quả hoạt động, theo cơ chế áp dụng đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và quy định của pháp luật.

- Từng bước đổi mới mô hình quản trị đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng hiện đại, minh bạch, gắn với trách nhiệm của người đứng đầu; nghiên cứu áp dụng các chuẩn mực quản trị tiên tiến phù hợp với điều kiện thực tiễn. Củng cố và phát huy vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng trong đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định.

- Thực hiện đánh giá chất lượng dịch vụ sự nghiệp công theo tiêu chuẩn, tiêu chí do bộ, ngành quản lý chuyên ngành ban hành; công khai kết quả đánh giá làm căn cứ giao quyền tự chủ và phân bổ nguồn lực. Từng bước ứng dụng nền tảng số để người dân tham gia đánh giá mức độ hài lòng đối với chất lượng,

hiệu quả cung ứng dịch vụ sự nghiệp công.

(Chi tiết phân công nhiệm vụ tại Phụ lục kèm theo)

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết số 79-NQ/TW, Kế hoạch số 58-KH/TU và Kế hoạch này đến toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động trong toàn Đảng bộ; căn cứ chức năng, nhiệm vụ triển khai thực hiện Kế hoạch số 58-KH/TU và Kế hoạch này phù hợp với tình hình thực tiễn của cơ quan, đơn vị.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện cụ thể gắn với các nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình phù hợp và phân công cụ thể trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị để triển khai thực hiện có hiệu quả; hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện; tham mưu Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh định kỳ báo cáo kết quả thực hiện hằng năm và tổ chức sơ kết, tổng kết giai đoạn theo quy định.

3. Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Đảng ủy

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động triển khai các nhiệm vụ tại Kế hoạch.

- Ban Tuyên giáo và Dân vận Đảng ủy hướng dẫn nghiên cứu, tuyên truyền, quán triệt thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW, Kế hoạch số 58-KH/TU và Kế hoạch này; thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện tuyên truyền, quán triệt của các tổ chức đảng trực thuộc.

- Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy tham mưu Đảng ủy UBND tỉnh kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 58-KH/TU và Kế hoạch này.

- Văn phòng Đảng ủy phối hợp với các cơ quan tham mưu giúp việc Đảng ủy theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch; thẩm định, tham mưu Thường trực, Ban Thường vụ Đảng ủy báo cáo Tỉnh ủy theo quy định.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c),
- Thường trực Đảng ủy,
- UBND tỉnh,
- Văn phòng Tỉnh ủy,
- Các cơ quan chuyên trách TMGV Đảng ủy,
- Các chi, đảng bộ cơ sở,
- Lưu VPĐU.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**

Tổng Thanh Hải